

Số: 106/2019/QĐST-HNGĐ

Việt Yên, ngày 04 tháng 07 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số:241/2018/TLST – HNGĐ ngày 20/9/2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình V– sinh năm 1981

HKTT: Thôn 2, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y– sinh năm 1983

HKTT: Thôn 2, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Việt Yên – Phòng giao dịch Tự Lạn do ông Trần Mạnh N – Giám đốc phòng giao dịch T đại diện theo ủy quyền.

2.Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên do ông Ngô Gia U’ – Phó giám đốc đại diện theo ủy quyền.

3.Bà Thân Thị L– Sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55; điều 57; điều 58; điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 11; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2019;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện ly hôn và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đình V và chị Nguyễn Thị Y.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Quan hệ vợ chồng:** Anh Nguyễn Đình V và chị Nguyễn Thị Y thuận tình ly hôn.

*** Con chung:** Anh Nguyễn Đình V và chị Nguyễn Thị Y xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/5/2005, cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 21/4/2008 và cháu Nguyễn Đình L, sinh ngày 28/3/2010. Ly hôn, anh V chị Y thống nhất thỏa thuận: Anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình L, chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị T và cháu Nguyễn Thị L. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh V, chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V, chị Y có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

***Tài sản chung, công sức:** Ghi nhận việc anh V chị Y tự nguyện phân chia tài sản chung, công sức của vợ chồng theo biên bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung, công sức của vợ chồng và đơn đề nghị Tòa án ghi nhận việc thỏa thuận tự nguyện phân chia tài sản chung, công sức của vợ chồng ngày 25/6/2019 mà các bên đã giao nộp cho Tòa án cụ thể:

- Anh V được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với các tài sản chung của vợ chồng gồm 01 nhà 02 tầng diện tích 170m², địa chỉ tại thôn 2, xã V T, huyện Việt Yên; 01 xe ô tô tải BKS 98C 150.64 mang tên anh Nguyễn Đình V và các tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình.

- Anh Nguyễn Đình V có trách nhiệm trích chia giá trị tài sản, công sức cho chị Nguyễn Thị Y là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Chị Y được nhận 200.000.000 đồng do anh V trích chia và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng sau này.

***Công nợ:** Anh V, chị Y, bà L, đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện V thống nhất thỏa thuận:

- Anh V có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V theo Hợp đồng tín dụng số 2503LAV201704584 ký ngày 17/11/2017 với số tiền gốc 100.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/6/2019 là 5.387.671 đồng và lãi phát sinh sau ngày 26/6/2019 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Anh V có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền gốc là 12.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 22/4/2019 là 175.000 đồng và lãi phát sinh sau ngày 22/4/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Chị Yên có trách nhiệm thanh toán trả bà Thân Thị L số tiền gốc 30.000.000 đồng. Bà L không yêu cầu chị Y phải thanh toán lãi và lãi chậm trả.

***Ruộng canh tác:** Anh Nguyễn Đình V và chị Nguyễn Thị Y thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Án phí:** Anh Nguyễn Đình V tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 2.786.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh V đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/05152 ngày 20/9/2018

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Anh V còn phải nộp 2.636.000 đồng án phí DSST.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Việt Yên – Phòng giao dịch T số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2012/05352 ngày 13/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Ngân hàng chính sách xã hội huyện V không phải chịu án phí DSST.

Chị Nguyễn Thị Ytự nguyện chịu cả 750.000 đồng án phí DSST.

Bà Thân Thị Lkhông phải chịu án phí DSST. Hoàn trả bà Thân Thị L750.000 đồng án phí DSST theo biên lai thu số AA/2012/05372 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên

